

# Thử đi tìm dấu chân người Bồ Lô

PHẠM THANH TỊNH\*

**D**ọc theo bờ biển Bắc Trung Bộ từ Nghệ An vào Quảng Bình, có khá nhiều cộng đồng ngư dân thủy cư sinh sống với nguồn gốc khác nhau. Theo Nguyễn Duy Thiệu, có hai nhóm với hai nguồn gốc rõ rệt: một nhóm có nguồn gốc nông dân trong nội đồng, chủ yếu sống bằng nghề đặng, dáy đánh bắt tôm cá trong sông. Nhóm thứ hai cư trú lâu đời trên biển đánh cá bằng câu và lưới rút ngoài biển khơi. Ở đây chúng tôi đi sâu vào khảo sát nhóm thứ hai, trong đó có người Bồ Lô sống tập trung ở Cửa Sốt - xã Thạch Kim và Cửa Nhượng - xã Cẩm Nhượng của tỉnh Hà Tĩnh.

1. Theo các cụ già, những người mà đến tận hôm nay còn tự nhận mình là người Bồ Lô thì tổ tiên của họ từ Quảng Bình di cư ra và từ Cửa Hội - Nghệ An vào và đã định cư ở đây khoảng 8 đến 10 đời. Có những dòng họ đã định cư đến 14 đời. Chính vì vậy mà từ xưa, ở Hà Tĩnh đã truyền tụng câu hát:

Bồ Lô Xuân Hôi

Không nổi nấu ăn,

Không khăn chịt trôóc (đầu),

Không nôóc (thuyền) di câu

Không bầu (túi) đựng gạo.

Trước đây, chưa một tác giả nào nghiên

cứu người Bồ Lô đi vào Quảng Bình để tìm đến Xuân Hôi, nơi mà người Bồ Lô tự nhận là gốc gác của mình.

Tra theo địa đồ hành chính, chúng tôi lần theo lời kể và đi đến làng Xuân Hôi ở Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Từ đường số 1A Bắc Nam, chúng tôi rẽ sang phải đi theo bờ sông Kiến Giang. Con đường rải nhựa trải dài theo cánh đồng Lệ Thủy. Có thể ngày xưa đó là một cửa biển của sông Kiến Giang được bồi đắp thành đồng bằng. Xe đưa chúng tôi đến làng Xuân Hôi một địa danh khá nổi tiếng. Làng Xuân Hôi ngày nay thuộc xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình. Đầu làng khi qua cầu là một chiếc cổng to có đề chữ Làng Xuân Hôi. Ở đây, hiện nay người cao tuổi không nhiều, một vài cụ ở tuổi cổ lai hy, hầu như không nhớ mấy về quê xưa của mình. Chúng tôi may mắn gặp bác Phạm Văn Tuyển, 75 tuổi người làng Xuân Hôi chính hiệu. Hiện nay bác làm nghề cắt tóc nên có dịp được nghe nhiều người kể chuyện về làng Xuân Hôi. Do đó bác cho biết nhiều thông tin về làng này. Theo lời bác kể, thì làng Xuân Hôi có 4 thôn: Thôn Hà, thôn Hữu, thôn Đông và thôn Trung nằm ven bờ sông Kiến Giang. Làng có thế đất hình con phượng hoàng. Ngày xưa, làng có hai cồn tự nhiên: cồn

\* Ths. Phạm Thanh Tịnh Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Trâu và cõn Đê nằm đối diện trên một nhánh sông Kiến Giang. Người ta đắp thêm 2 con mắt: cõn Kỷ và cõn Mô, sau đó đào thêm cõn Điện, cõn Võ, cõn Chùa thành mô hình ngôi sao Bắc Đẩu, một ngôi sao mà dân đi biển thường dùng để nhận diện phương hướng.

Làng Xuân Hôi ngày xưa chủ yếu làm nghề nông, ngoài ra còn có nghề phụ là nghề “lòng còng” tức là nghề đánh bắt cá ven sông với những chiếc thuyền bé. Đất chật, người đông nên ngày xưa sống rất khổ cực. Tuy nhiên do có nghề “lòng còng” nên hầu như các gia đình ở làng Xuân Hôi không bị đói cơm, đứt bữa. Dẫu vậy, do đất chật, người đông nên những năm đói kém, người làng Xuân Hôi cũng chạy toán loạn, tha phương cầu thực kiếm kế sinh nhai. Bộ phận không có ruộng đất thì chuyên làm nghề “lòng còng” ven sông, ven biển. Ở đâu đánh được cá thì ở lại, thường là ven sông. Nếu người ta đuổi thì bỏ đi, nếu không thì ở lại.

Theo trí nhớ của các cụ già trong làng, thì có lẽ những người làm nghề chài lưới đó tập trung tại thôn Hà - nơi được gọi là Hà trang lái (nơi phơi lưới) - số người này sống di động nay đây mai đó kiếm ăn. Họ đi đến đâu thì tự lập thành làng Xuân Hôi đến đó. Nghe nói người Xuân Hôi còn làm ăn ở ven sông Truôi (Quảng Trị). Còn một số nữa thì đi ra sông Gianh sinh sống.

Theo sự chỉ dẫn của người làng Xuân Hôi ở Lệ Thủy, chúng tôi ngược ra Bắc đến xã Quảng Phúc, huyện Quảng Trạch (Quảng Bình) phía bờ Nam sông Gianh. Ở đây cũng có một làng Xuân Hôi là một nhóm cư dân đánh bắt trên biển, chủ yếu làm nghề đi câu ở ngoài biển khơi. Họ

sống trên thuyền là chính, làm nhà tạm theo dọc bờ đê. Do đó họ sống rất tự do và thành thạo trên biển. Kỹ thuật đi biển rất tuyệt vời. Họ chạy thuyền buồm khi ra biển theo gió, khi vào bờ họ phải đi ngược gió nhưng không bị lật thuyền. Để chống thuyền lật, người ta làm đòn gánh bắc ngang thuyền, hai người ngồi hai bên để điều chỉnh với động tác rất nhanh. Do sống ở dưới thuyền, ngồi là chính nên thân người thì dài mà chân thì ngắn. Lúc lên bờ họ không quen đi thẳng nên dáng đi cứ luỳnh khuỳnh. Họ bị phân biệt đối xử rất rõ. Khi còn bé, đứa nào xấu đều bị gọi là “quân Xuân Hôi”. Dân địa phương coi họ là người ngụ cư, không học hành nên bị khinh rẻ như là những người “mọi bề”<sup>(1)</sup>. Đa phần người vạn Xuân Hôi là họ Nguyễn. Người Xuân Hôi lấy người Xuân Hôi ở các cửa sông khác nên có bà con với nhau. Ở đây có thôn theo Đạo Thiên chúa nhưng họ (người Bồ Lô) không theo và thờ cúng tổ tiên và thần sông, thần biển. Khi chết phải đưa lên bãi cát trên bờ chôn nên thường bị sóng bão đánh mất mồ mả.

Trên bờ họ sống tạm bợ, bản thủ, nhưng ở dưới thuyền thì ngăn nắp, sạch sẽ. Để con thuyền được sử dụng lâu dài, không bị hỏng, một vài năm họ phải “hui” (dốt) thuyền một lần để chống con hà bám và đục sâu vào ván thuyền. Để làm việc đó, họ đưa thuyền lên cạn, dùng con nạo cạo sạch rồi dùng cây giành giành (cây bổi) để đốt. Khi hạ thuyền, họ kính cẩn làm lễ. Theo sự nhận xét của người trên bờ thì họ rất hay cúng quẩy.

Tiếp đó, chúng tôi qua làng Xuân Hôi, thôn Thanh Xuân, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch (bờ Bắc sông Gianh) ngày

xưa cũng được gọi là vạn Xuân Hôi. Ở đây, họ cũng được ứng xử theo dân ngụ cư và bị khinh miệt “đồ dân Xuân Hôi biết cóc chi?”. Họ làm nghề biển và sống trên thuyền. Nhà giàu có hai thuyền: Một thuyền làm nhà ở và thường là thuyền to; và, một thuyền để đi đánh bắt cá và thường là thuyền bé. Còn với những nhà nghèo thì chỉ có một thuyền vừa dùng làm nhà ở vừa dùng làm phương tiện đi biển. Thuyền nào làm ăn theo thuyền ấy, tập hợp thành vạn, sản xuất theo thuyền của gia đình. Họ rất giỏi nghề câu trên biển. Khi có bão thì vào cửa sông kiếm ăn. Là cư dân biển nên họ rất hay kiêng kị. Đàn bà hồng thai phải nghỉ ở nhà 3 tháng 10 ngày, không được lên thuyền đi biển, phụ nữ có kinh nguyệt cũng phải ở nhà. Nhìn chung, mọi người đều thích đi biển, không sợ biển; họ chỉ sợ khi có gió lốc thuyền dễ bị lật. Họ không theo đạo mà thờ cúng ông bà tổ tiên. Hàng năm ngày kỵ cha mẹ và những người chết được cúng vào một ngày. Tháng 8 gọi là ngày kỵ kiêng không đi biển. Người Xuân Hôi lấy người Xuân Hôi, đa phần là họ Nguyễn. Theo các bậc cao niên thì làng Xuân Hôi ở đây được xem là gốc tỏa đi các nơi.

Cửa Nhượng, cửa Sốt ở Hà Tĩnh là nơi cộng đồng Bồ Lô Xuân Hôi tập trung đông sống trên thuyền và làm nghề câu ở biển khơi. Chỉ có ở Hà Tĩnh mới xuất hiện tên “Bồ Lô Xuân Hôi”, còn ở Quảng Bình không ai tự gọi là Bồ Lô mà chỉ gọi là người Xuân Hôi. Và người Bồ Lô ở Hà Tĩnh tự nhận mình là một cộng đồng khu biệt với các cộng đồng khác.

Là dân thủy cư, họ chỉ được sống trên mặt nước, cuộc sống “theo đuôi con cá” và

“ăn sóng nói gió”, họ không có đất ở trên bờ, họa chăng nếu có thì dân thủy cư chỉ dùng phần đất ấy vào hai việc chính: để chôn cất người chết và xây đình thờ của vạn. Ngày xưa, trên danh nghĩa, họ cũng được chính quyền phong kiến địa phương thừa nhận quyền lãnh vực, nhưng ngoài bãi đậu thuyền ở cửa sông, họ không được vào sông. Ngoài biển, người Bồ Lô được tự do, nhưng vào đất liền họ bị coi là “thần ở đợ”, là dân “sống vô gia cư, chết vô địa táng”, cho nên họ phải mua đất của các làng trên bờ để xây đình và chôn cất người chết với những điều kiện rất khắt khe. Họ được người địa phương coi là “phường nước mặn” (hay là “mọi bể”).

Họ sống tập trung chủ yếu trên thuyền. Mỗi gia đình thường cư trú trên một con thuyền. Nhiều gia đình kết hợp với nhau thành một vạn. Ở cửa Sốt, họ tập trung chủ yếu ở Vạn Kỳ Xuyên. Ở Nhượng Bạt họ là Vạn Nốc câu. Trong thiết chế xã hội cổ truyền, các cư dân vạn chài không phải là dân chính cư vì vạn chài chỉ là những đơn vị tự quản. Các vạn chài được tập hợp theo nguyên tắc quan hệ huyết thống và quan hệ nghề nghiệp. Chính vì vậy, cơ cấu của vạn chài so với cơ cấu xã hội nông nghiệp đơn giản hơn rất nhiều. Không gian sinh tồn của họ là biển cả, chiếc thuyền là nơi ở của họ. Họ chỉ sống “ghé” với cộng đồng trên bờ. Mọi sinh hoạt của họ đều tập trung trên thuyền, đó là những năm trước Cách mạng tháng Tám. Sau ngày độc lập, một số được chính quyền địa phương cấp đất (như ở Cửa Nhượng - Cẩm Xuyên) hoặc có tiền mua đất (như ở Cửa Sốt - Thạch Kim) nên họ dựng nhà cửa trên đất và sống cuộc sống “thượng gia hạ thuyền”,

tức là vừa ở trên thuyền vừa ở trên nhà. Hiện tại, hầu như các gia đình đã chuyển lên bờ sinh sống. Thuyền chỉ còn là phương tiện kiếm sống của họ. Duy nhất ở Cửa Sốt còn có hai gia đình hiện còn dùng thuyền làm nhà mà thôi.

Tiếp tục ngược dòng ra Bắc, theo sự chỉ dẫn của người Bồ Lô ở Hà Tĩnh, chúng tôi ra Cửa Lò. Ở đây cũng có cộng đồng người Bồ Lô và họ có quan hệ họ hàng với người Cửa Sốt, Cửa Nhượng và cũng tự gọi là Bồ Lô. Chúng tôi cũng gặp họ Nguyễn thuần Bồ Lô, sống trên thuyền. Vạn Giang chính là làng Bồ Lô cũ.

Như vậy, trong tâm thức của người Bồ Lô ven biển Hà Tĩnh, đặc biệt là ở Cửa Sốt (Thạch Kim) và Cửa Nhượng (Cấm Nhượng) đều nhận mình có quê hương ở Xuân Hối - Quảng Bình.

2. Theo các nghiên cứu trước đây, người Bồ Lô (hay Ba Lan) là tên chỉ một nhóm người vào thời cận đại sống không ổn định, thỉnh thoảng thấy lẻ tẻ xuất hiện ở bờ biển phía Nam Nghệ Tĩnh, tại một vài điểm nhất định cư trú dọc ven biển các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa vào tới Quảng Bình, đặc biệt là ở các cửa sông, nếu có thành nhóm cũng không đông<sup>(2)</sup>.

Theo tiến trình khảo sát, ở Hà Tĩnh người Bồ Lô có mật độ sống đậm đặc nhất tại hai cửa biển: Cửa Sốt (Thạch Kim, Lộc Hà) và Cửa Nhượng (Cấm Nhượng, Cấm Xuyên). Ngoài tên gọi Bồ Lô, họ còn được dân địa phương gọi là *dân Nôóc câu* hoặc *dân Bó Chính* (Cửa Sốt) hay *Bồ Lô Xuân Hối* (Cửa Nhượng). Dưới góc nhìn của người dân địa phương, đây là một cộng đồng người ngụ cư từ nơi khác tới, vì vậy, trước Cách mạng tháng Tám, "Bồ Lô"

được họ coi là tộc danh để chỉ một nhóm người mà theo Nguyễn Duy Thiệu, đó là nhóm người mà cư dân Cửa Sốt gọi là "Mường nước mặn".

Với tiếng Việt, Bồ Lô không có ý nghĩa, theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, Bồ Lô được đoán định có gốc là Mã Lai. Từ này có thể là Pù Lao hay Bù Lao nghĩa là đảo. Phải chăng đây là những cư dân từ ngoài đảo vào, và người dân địa phương đã Việt hóa từ Bù Lao thành Bồ Lô để chỉ những người này. Vì vậy cũng có giả thiết cho rằng họ là người Mã Lai, có người cho là gốc Champa.

Điều đáng lưu ý là họ sống và khai thác biển khơi, do đó ở Quảng Bình và Hà Tĩnh như trên đã nói biển gắn với đại dương, không giống như Vịnh Bắc Bộ. Tại miền Trung có rất nhiều cửa sông ăn ra biển Đông, do đó người Bồ Lô chỉ sống ở vùng này.

Về hình thể ngoại diện, nhìn họ cũng dễ phân biệt với dân địa phương: da họ sẫm hơn, tóc quăn, môi dày, mắt nhỏ, phát âm tiếng Việt khó hiểu. Dáng đi của họ lòng không, cổ rụt như cổ rùa, khi đi như chạy, nói thì nhanh như chim hót

Như vậy, có thể giả định rằng nguồn gốc của người Bồ Lô có quan hệ với các cư dân Nam đảo. Và nếu như vậy thì cộng đồng Bồ Lô có mối quan hệ với các cộng đồng cư dân biển sống trôi nổi khắp Đông Nam Á và các nhà nghiên cứu đặt cho cái tên là cư dân đảo. Và phải chăng cùng một cộng đồng với những người Mô rô sống trên biển giữa Philippine và Đông Indônêxia, hay người Môken sống trên biển dọc theo duyên hải Đông Nam Á. Ở Việt Nam họ có quan hệ với người Sa

Huỳnh, người Chămpa Họ có phải cùng cộng đồng với cư dân “nhà chồ” ở Quảng Nam, hay nhóm thủy cư trên phá Tam Giang chuyên làm nghề câu trên biển hay không. Do điều kiện hạn chế, chúng tôi chưa có dịp khảo sát các cư dân này và đối chiếu so sánh để tìm ra mối quan hệ cội nguồn của họ với người Bồ Lô.

3. Từ những vấn đề đã phân tích sơ bộ nêu trên, có thể đi tới một giả thiết như sau:

Có một cộng đồng cư dân thủy cư mang tên Bồ Lô dọc theo ven biển Bắc miền Trung từ Thanh Hóa tới Quảng Bình, Quảng Nam. GS Trần Quốc Vượng đã từng khẳng định: “Thành phố Vinh - cảng Bến Thủy và Cửa Lò, Cửa Hội ở đây có người Bồ Lô (Poulo)”<sup>(3)</sup>. Còn Nguyễn Duy Thiệu trong cuốn *Văn hóa dân gian làng ven biển* đã viết: “Trong một gò kín là nơi quần tụ của gần 100 con thuyền, dân địa phương gọi những người sống trên các con thuyền ấy là người Bồ Lô”<sup>(4)</sup>.

Còn về nguồn gốc của nhóm cư dân này, theo chúng tôi thì có thể họ là di duệ của một cộng đồng được sinh ra trong sự tiếp xúc của cư dân vùng sông nước và biển cả?, sự pha trộn giữa cư dân có nguồn gốc từ làng Xuân Hội - Quảng Bình làm nghề chài lưới ven sông, ven biển với những cư dân Nam đảo, những người thiện chiến trên biển cả. Theo giới khảo cổ học, từ các di chỉ ven biển Hà Tĩnh thì nơi đây cũng có dấu ấn của nền văn hóa Sa Huỳnh, một nền văn hóa biển đậm đặc. Với những con người mà cuộc sống “theo đuôi con cá” và “ăn sóng nói gió”, thì việc tiếp thu những kiến thức văn hóa biển, đặc biệt là với cư dân Việt khi đang trên

đường tiến ra biển thì điều đó là một điều có thể nói là tất yếu./.

## CHÚ THÍCH

1. Với người Việt, một cư dân làm ruộng nước ở đồng bằng, khi gặp những cộng đồng tộc người nếu sống trên núi thì họ gọi là mọi rú, nếu sống dưới biển thì gọi là mọi bể. Mọi, theo cách nhìn của người đồng bằng mang tính miệt thị vì những người mọi đều “ngu ngơ” khi lên bờ, nhưng khi ra biển thì họ lại là người thành thực, tự do.
2. Theo Nguyễn Đồng Chi. Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh. Nxb Nghệ An, Vinh, 1995, tr. 55.
3. Trần Quốc Vượng. *Một nét văn hóa cảng thị ở miền Trung* trong cuốn “Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam”. Nxb KHXH, H., 1996, tr. 422.
4. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian. Văn hóa dân gian làng ven biển. Nxb Văn hóa dân tộc, H., 2000, tr. 424

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thanh Tịnh. *Vùng biển Hà Tĩnh và cộng đồng cư dân Bồ Lô!* Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 7/2009, tr. 53 - 57.
2. Theo Nguyễn Đồng Chi. Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh. Nxb Nghệ An, Vinh, 1995.
3. Trần Quốc Vượng. *Một nét văn hóa cảng thị ở miền Trung* trong cuốn “Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam”. Nxb KHXH, H., 1996.
4. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian. Văn hóa dân gian làng ven biển. Nxb Văn hóa dân tộc, H., 2000.